

## DANH SÁCH CHƯA NỘP HỌC PHÍ HK2/2020-2021 SAU ĐẠI HỌC

Học viên cao học

Tính đến ngày 05/05/2021

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ/Thừa các kỳ trước (đ)	Phải nộp K2/20-21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)	Đã nộp (đ)	Chưa nộp (đ)	Ghi chú
1	17025005	Kiều Đức Hạnh	38,659,500	8,775,000	47,434,500	0	47,434,500	
2	17025015	Đỗ Hoàng Dương	47,371,500	8,775,000	56,146,500	0	56,146,500	
3	17025018	Tạ Văn Đức	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
4	17025034	Nguyễn Mạnh Thắng	47,371,500	8,775,000	56,146,500	47,371,500	8,775,000	
5	17025035	Lê Thành Thiện	34,852,500	8,775,000	43,627,500	0	43,627,500	
6	17025040	Đỗ Thanh Tuyền	24,277,500	8,775,000	33,052,500	15,502,500	17,550,000	
7	17025048	Phan Hưng Hà	32,827,500	8,775,000	41,602,500	0	41,602,500	
8	17025049	Vũ Hữu Huân	35,752,500	8,775,000	44,527,500	0	44,527,500	
9	17025058	Lê Đỗ Tân	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
10	17025061	Đình Văn Việt	-722,500	8,775,000	8,052,500	0	8,052,500	
11	17025072	Phùng Thị Hương	21,097,500	8,775,000	29,872,500	21,097,500	8,775,000	
12	17025075	Nguyễn Việt Dũng	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
13	17025076	Hà Thị Hào	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
14	17025084	Nguyễn Thị Quỳnh	16,327,500	8,775,000	25,102,500	0	25,102,500	
15	17025096	Trịnh Xuân Đông	8,775,000	8,775,000	17,550,000	0	17,550,000	
16	17025099	Doãn Thị Hiền	8,775,000	8,775,000	17,550,000	0	17,550,000	
17	17025103	Phạm Nhật Linh	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
18	17025106	Nguyễn Quang Nam	31,066,500	8,775,000	39,841,500	31,066,500	8,775,000	
19	17025133	Nguyễn Thị Liên	8,775,000	8,775,000	17,550,000	0	17,550,000	
20	18025002	Nguyễn Công Chiến	3,577,500	8,775,000	12,352,500	8,000,000	4,352,500	
21	18025003	Đỗ Đức Cường	8,377,500	8,775,000	17,152,500	0	17,152,500	
22	18025004	Nguyễn Thanh Cường	41,023,500	8,775,000	49,798,500	0	49,798,500	
23	18025005	Nguyễn Đức Đông	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
24	18025006	Đỗ Hồng Giang	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
25	18025007	Nguyễn Hữu Hải	8,377,500	8,775,000	17,152,500	0	17,152,500	
26	18025008	Nguyễn Thị Huyền	8,377,500	8,775,000	17,152,500	0	17,152,500	
27	18025012	Đào Đại Nghĩa	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
28	18025018	Hà Minh Tuấn	0	10,419,000	10,419,000	0	10,419,000	
29	18025027	Nguyễn Đức Trung	18,559,500	8,775,000	27,334,500	0	27,334,500	
30	18025028	Nguyễn Anh Tú	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
31	18025029	Lưu Hoàng Tùng	17,815,500	8,775,000	26,590,500	0	26,590,500	
32	18025032	Đậu Hồng Quân	33,148,500	10,419,000	43,567,500	15,000,000	28,567,500	
33	18025038	Bùi Ngọc Quang	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
34	18025040	Khuất Thanh Sơn	0	10,419,000	10,419,000	0	10,419,000	
35	18025041	Đỗ Đức Tâm	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
36	18025043	Phạm Tuấn Anh	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
37	18025045	Phạm Tiến Dũng	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
38	18025047	Trần Thọ Hoàng	36,954,000	8,775,000	45,729,000	0	45,729,000	
39	18025049	Nguyễn Thị Quyền	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
40	18025051	Phạm Thế Vịnh	3,990,000	8,775,000	12,765,000	0	12,765,000	
41	18025052	Bùi Trung Anh	4,387,500	8,775,000	13,162,500	0	13,162,500	
42	18025053	Nguyễn Văn Công	4,387,500	8,775,000	13,162,500	0	13,162,500	
43	18025057	Trương Ngọc Kiên	14,172,000	8,775,000	22,947,000	0	22,947,000	
44	18025059	Trần Công Nam	0	14,255,000	14,255,000	0	14,255,000	
45	18025063	Trần Thu Trang	3,990,000	8,775,000	12,765,000	3,990,000	8,775,000	
46	18025064	Nguyễn Mạnh Tuấn	3,990,000	8,775,000	12,765,000	0	12,765,000	
47	18025065	Chu Thừa Vũ	4,172,000	8,775,000	12,947,000	0	12,947,000	

48	18025067	Nguyễn Quỳnh Dương	36,210,000	8,775,000	44,985,000	0	44,985,000	
49	18025068	Phùng Quang Luyện	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
50	18025072	Phạm Tiến Thành	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
51	18025076	Khuất Duy Huy	-366,000	10,419,000	10,053,000	0	10,053,000	
52	18025077	Đặng Thế Linh	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
53	18025078	Nghiêm Văn Tú	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
54	18025083	Sặng Khôn Sặng Sụ Li Chấn	0	10,419,000	10,419,000	0	10,419,000	
55	19025002	Phạm Gia Huy	0	10,419,000	10,419,000	0	10,419,000	
56	19025005	Nguyễn Thành Nhân	8,775,000	8,775,000	17,550,000	0	17,550,000	
57	19025007	Ngô Xuân Trường	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
58	19025012	Nguyễn Quốc Trịnh	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
59	19025013	Lâm Văn Tùng	-500	10,419,000	10,418,500	0	10,418,500	
60	19025019	Nguyễn Công Thao	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
61	19025031	Văn Đăng Sơn	8,775,000	8,775,000	17,550,000	0	17,550,000	
62	19025035	Nguyễn Hoàng Tuấn	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
63	19025036	Đào Xuân Đông	13,545,000	8,775,000	22,320,000	0	22,320,000	
64	19025037	Nguyễn Văn Hiệp	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
65	19025039	Mai Thanh Minh	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
66	19025042	Nguyễn Thu Hằng	8,775,000	8,775,000	17,550,000	0	17,550,000	
67	19025043	Vương Quang Huy	8,775,000	8,775,000	17,550,000	0	17,550,000	
68	19025044	Nguyễn Đức Thắng	21,039,500	8,775,000	29,814,500	0	29,814,500	
69	19025045	Vũ Minh Trung	21,039,500	8,775,000	29,814,500	0	29,814,500	
70	19025048	Nguyễn Hữu Đại	10,001,500	8,775,000	18,776,500	0	18,776,500	HV Samsung
71	19025049	Nguyễn Cảnh Thắng	10,001,500	8,775,000	18,776,500	0	18,776,500	HV Samsung
72	20025006	Phạm Thu Hiền	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
73	20025010	Nguyễn Thị Minh	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
74	20025011	Nguyễn Bá Tiến	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
75	20025014	Nguyễn Thanh Bình	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
76	20025016	Trần Văn Cường	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
77	20025017	Nguyễn Đình Dũng	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
78	20025025	Nguyễn Sinh Hùng	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
79	20025030	Phù Văn Quát	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
80	20025032	Nguyễn Trọng Tài	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
81	20025038	Đặng Quang Trung	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
82	20025040	Nguyễn Thành Trung	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
83	20025051	Trần Đình Nam Sơn	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
84	20025053	Khương Tuấn Dũng	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
85	20025055	Đình Hữu Đức	8,775,000	8,775,000	17,550,000	0	17,550,000	HV Samsung
86	20025060	Nguyễn Văn Thành	8,775,000	8,775,000	17,550,000	0	17,550,000	HV Samsung
87	20025068	Nguyễn Thị Hằng	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	
88	20025070	Vũ Thị Ngọc Khánh	0	8,775,000	8,775,000	0	8,775,000	